TÒA ÁN ND TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 7 - 2023
Về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiên Ngọc Trương; Ông Cao Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc *"yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 76/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp LT, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

Bị đơn: Bà Nguyễn Tuyết Ng, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp LT, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Mia trình bày: Vào năm 1990 ông M và bà Nguyễn Tuyết Ng có tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau như vợ như chồng, không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn. Ông M và bà Ng sống chung hạnh phúc đến năm 2004 tại nhà riêng ấp LT, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV. Trong quá trình chung sống ông M và bà Ng không có con chung. Do trước khi về chung sống với ông M thì bà Ng có một người con riêng tên là Trần Huỳnh Nh,

sinh năm 1984 nhưng chưa làm giấy khai sinh nên bà Ng với ông thống nhất để tên người cha trên giấy khai sinh của chị Nh là Trần Văn M. Đến năm 2004 thì ông M và bà Ng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ đó, ông M và bà Ng sống ly thân cho đến nay. Nay, ông Trần Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Tuyết Ng là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 người con chung nhưng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Tuyết Ng vắng mặt tại phiên tòa

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tuyết Ng là vợ chồng. Ông M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện ông Trần Văn M *yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng* với bà Nguyễn Tuyết Ng nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng*", căn cứ vào khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Tuyết Ng là bị đơn có nơi cư trú ấp LT, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn bà Nguyễn Tuyết Nga nhưng bà Nga vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tuyết Ng quen biết, tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ như chồng từ năm 1990 nhưng không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không còn yêu thương nhau như trước, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được nữa nên ông M và bà Ng đã ly thân nhau từ năm 2004 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau.

Xét thấy, khi sống với nhau ông M và bà Ng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông M và bà Ng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, là vi phạm Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tuyết Ng không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông M yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông với bà Nguyễn Tuyết Ng là vợ chồng là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Theo ông M khai đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Theo ông M khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] *Về án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm*: ông Trần Văn M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

Không công nhận ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tuyết Ng là vợ chồng.

Về con chung: Theo ông M trình bày đã trưởng thành, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0013497 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Gẫm

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.